

Số: 36 /2018/QĐ-UBND

Hưng Yên, ngày 08 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết số 157/2018/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 325/TTr-STC ngày 21 tháng 9 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Những quy định chung

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Đối tượng áp dụng

Định mức phân bổ kinh phí được áp dụng cho các cơ quan, đơn vị và cá nhân được giao nhiệm vụ chủ trì soạn thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân và quyết định của Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên ban hành.

3. Định mức kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

a) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, quyết định của Ủy ban nhân dân được ban hành mới hoặc thay thế:

- Cấp tỉnh: 10 triệu đồng/văn bản;
- Cấp huyện: 8 triệu đồng/văn bản;
- Cấp xã: 6 triệu đồng/văn bản.

b) Đối với văn bản sửa đổi, bổ sung: định mức phân bổ kinh phí không quá 80% định mức phân bổ đối với văn bản được ban hành mới hoặc thay thế.

Điều 2. Nội dung chi và mức chi cho các hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

1. Nội dung chi cho các hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

a) Tổng kết việc thi hành pháp luật hiện hành, tập hợp, rà soát đánh giá văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

b) Điều tra, khảo sát, đánh giá thực trạng quan hệ xã hội có liên quan phục vụ quá trình nghiên cứu, lập đề nghị xây dựng văn bản, lập đề nghị, dự kiến chương trình xây dựng văn bản;

c) Tổ chức soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật;

d) Đánh giá tác động của chính sách, đánh giá tác động của văn bản;

đ) Tổ chức Hội đồng tư vấn thẩm định, Hội đồng thẩm định, Hội đồng thẩm tra; lấy ý kiến của các nhà khoa học, các chuyên gia (trong trường hợp cần thiết);

e) Xây dựng báo cáo thẩm định, thẩm tra, văn bản góp ý;

g) Chinh lý, hoàn thiện các loại đề cương, báo cáo, dự thảo văn bản;

h) Chi mua văn phòng phẩm, in ấn, sao chụp tài liệu phục vụ trực tiếp cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật.

2. Định mức chi cho các hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

a) Một số định mức chi cho các hoạt động xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật

| STT | Nội dung chi | Mức chi (ĐVT: đồng) |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|
| 1 | Chi soạn thảo đề cương chi tiết dự thảo văn bản | |
| | <i>Văn bản mới hoặc thay thế</i> | 950.000 |
| | <i>Văn bản sửa đổi, bổ sung</i> | 650.000 |
| 2 | Chi soạn thảo văn bản | |
| | <i>Văn bản mới hoặc thay thế</i> | 3.200.000 |
| | <i>Văn bản sửa đổi, bổ sung</i> | 2.700.000 |
| 3 | Chi soạn thảo các báo cáo phục vụ công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản | |
| | a Báo cáo tổng hợp ý kiến | |

| STT | Nội dung chi | Mức chi (ĐVT: đồng) |
|----------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|
| | <i>Văn bản mới hoặc thay thế</i> | 250.000 |
| | <i>Văn bản sửa đổi, bổ sung</i> | 150.000 |
| b | Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý | |
| | <i>Văn bản mới hoặc thay thế</i> | 350.000 |
| | <i>Văn bản sửa đổi, bổ sung</i> | 250.000 |
| c | Báo cáo nhận xét, đánh giá của người phản biện, ủy viên hội đồng thẩm định, báo cáo tham luận theo đơn đặt hàng của cơ quan, đơn vị chủ trì soạn thảo | |
| | <i>Văn bản mới hoặc thay thế</i> | 350.000 |
| | <i>Văn bản sửa đổi, bổ sung</i> | 200.000 |
| d | Báo cáo đánh giá tác động của chính sách hoặc báo cáo đánh giá tác động của văn bản | 6.000.000 |
| đ | Báo cáo tổng hợp theo dõi tình hình thi hành pháp luật: | |
| đ ₁ | <i>Do Sở Tư pháp chủ trì xây dựng trình Ủy ban nhân dân tỉnh gửi Bộ Tư pháp</i> | 3.400.000 |
| đ ₂ | <i>Do Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp; các sở, ban, ngành cấp tỉnh chủ trì xây dựng gửi Sở Tư pháp</i> | 1.700.000 |
| đ ₃ | <i>Do Ủy ban nhân dân cấp xã; các phòng, ban, ngành cấp huyện chủ trì xây dựng gửi Phòng Tư pháp</i> | 900.000 |
| 4 | Soạn thảo văn bản góp ý, báo cáo thẩm định, thẩm tra văn bản | |
| a | Văn bản góp ý | 250.000 |
| b | Báo cáo thẩm định, báo cáo thẩm tra | 500.000 |
| 5 | Chỉnh lý, hoàn thiện đề cương nghiên cứu | 200.000 |
| 6 | Chi cho cá nhân tham gia họp, hội thảo, tọa đàm, hội nghị và họp báo | |
| | <i>Chủ trì</i> | 150.000 |
| | <i>Các thành viên tham dự</i> | 100.000 |
| | <i>Ý kiến tham luận bằng văn bản của thành viên tham dự</i> | 200.000 |
| 7 | Chi lấy ý kiến tư vấn của chuyên gia độc lập | 1.000.000 |

b) Các nội dung khác không quy định tại Quyết định này, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật và các quy định hiện hành.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp được bố trí trong định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương của các cơ quan, đơn vị.

2. Cơ quan nhà nước thực hiện chế độ tự chủ và tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cơ chế tự chủ tài chính, căn cứ mức chi cụ thể cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại Quyết định này, quyết định mức chi theo quy định của Chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và cơ chế tự chủ tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập trong từng lĩnh vực và phải được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và phù hợp với khả năng ngân sách, đặc điểm hoạt động của đơn vị.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 10 năm 2018./.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục kiểm tra VB QPPL);
- Thường trực Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Tin học - Công báo;
- CSDLQG về pháp luật (Sở Tư pháp);
- Lưu: VT; TH^C;

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Phóng